

# Đi Về Miền Nam

Nguyễn Công Khanh



*Hiệp định Genève 1954 là hiệp định đình chiến được ký kết tại thành phố Genève, Thụy Sĩ để khôi phục hòa bình ở Đông Dương.*

Saigon, tháng 8 Năm 1954. Nhớ lại những thời gian mới vào Nam, cha tôi được chuyển ra làm việc ở Đà Nẵng, cả gia đình phải đi theo trừ tôi ở lại Sài Gòn theo học trường Chu văn An. Trong những ngày đầu, chưa có chỗ trọ, tôi đạp xe đến trại học sinh di cư Phú Thọ, nhưng trại đã đóng cửa, nhìn vào ngồn ngang rác rưởi. Tôi tìm đến nhà Hát Lớn thành phố, lúc đó vẫn còn một số người di cư vào muộn nên chưa giải tỏa. Tôi đang đứng lờ ngờ ở đại sảnh, thì gặp một anh bạn đang lễ mễ khuôn hành lý đi xuống. Sau khi biết tôi đang cần nơi trú ngụ, anh bèn

dẫn tôi lên đến khúc ngoặt của cầu thang tầng thứ ba, bảo tôi cứ dọn đến chiếm chỗ của anh vì anh đã có một nơi ở bên ngoài rồi. Anh giục tôi về dọn đến ngay.

Hành trang của tôi chẳng có bao nhiêu. Tôi may mắn có ột cái xe đạp để di chuyển, một vali nhỏ đựng quần áo, một ít vật dụng và một giường xếp kiểu nhà binh. Những ngày chờ trường khai giảng, tôi hay nằm một mình qua khung kính vỡ nhìn xuống những cảnh sinh hoạt dưới đường. Từ đó tôi thấy được cái công viên, mà sau này được dựng tượng một người lính Thủy Quân Lục Chiến cầm súng xung phong. Tôi nhìn thấy cái bồn phun nước mà xe cộ chạy quanh suốt ngày, nhìn dọc theo phố Bonard, xa xa là bùng binh chợ Bến Thành. Trước mặt nhà Hát Lớn là phố Catinat, một khu phố Tây có nhiều người ngoại quốc áo quần sang trọng qua lại. Những người thợ chụp hình photostop trên công viên thường bất ngờ nhắm chụp những khách qua lại, sau đó dụ họ mua hình.

Tôi thấy một người đàn ông giữ xe hơi, cứ mỗi lần có xe nào đến đậu trước cửa nhà Hát Lớn, là ông ta cầm chổi lông gà lẳng xăng chạy đến, mở cửa xe và lấy chổi quét bụi quanh xe. Sau đó ông ta chờ đóng cửa, rồi cúi rạp người nói với họ những câu tiếng Tây gì tôi không được rõ. Lúc chủ xe trở lại, ông ta lập lại những động tác cũ, và cung kính đứng chờ để nhận tiền. Ngày nào tôi cũng nhìn cái hoạt cảnh kiếm tiền của ông ta, quá dễ dàng, mà chẳng phải trả một đồng thuế nào cho bãi đậu xe của thành phố. Nhà hàng Givral ở ngay góc đường, mỗi lần tôi đi xuống phố đều nhìn vào thấy quá xa lạ với mình, mà mãi bốn, năm năm sau tôi mới có dịp vào ngồi uống cà phê như họ.

Hồi đó, mỗi buổi sáng vào khoảng tám giờ, một xe lambretta ba bánh của sở Thông Tin đến đậu trước nhà Hát Lớn, mở loa phóng thanh vang suốt khu phố những bản tin và bài bình luận. Xen kẽ là ba bài nhạc mà tôi nhớ mãi. Bài Hướng Về Hà Nội của Hoàng Dương gợi lại bao nhiêu kỷ niệm về thành phố mà mình vừa rời bỏ, bài Ngày Trở Về của Phạm Duy thấm cái nỗi buồn của người thương binh sau mười năm chiến tranh lê bước trở về làng xưa và bài Tiến Về Miền Nam tôi nhớ là của Trọng Khương với biết bao hùng khí của cả triệu người theo gót người xưa Nam Tiến đi làm lịch sử.

Một hôm đang nằm nhìn ra ngoài qua khung kính vỡ, tôi chợt thấy một cậu bé lẳng lẽ đến ngồi cạnh tôi và cùng nhìn xuống đường. Sau một hồi trò chuyện, tôi theo em lên thăm gia đình em ngụ trên lầu ba. Họ là những người trong các làng đạo từ vùng Thanh Hóa. Khi hiệp định đình chiến Genève được ký kết, họ tìm cách ra Hải Phòng để được di chuyển vào Nam. Cộng Sản đã cố ngăn cản bằng đủ mọi cách, mãi sau họ mới thoát được và nhờ chuyến tàu há mồm cuối cùng tới được bến bờ tự do. Bố của em là một ông giáo làng. Có nhiều ngày, tôi đạp xe chở em lang thang đi thăm khắp phố phường. Thỉnh thoảng, bố mẹ em mời tôi cùng ăn những bữa cơm di cư thanh đạm. Vài tuần sau, em cho tôi biết gia đình em và các người cùng làng sắp đi định cư ở một vùng xa. Tôi lên từ giã họ. Thấy con có vẻ quyến luyến tôi, bố em mời tôi cùng đi với họ. Ngày tựu trường còn xa, tôi nhận lời. Tối hôm sau, có xe đến đón và chở chúng tôi đến tập trung tại đình Phú Nhuận để sáng sớm sẽ khởi hành đến chỗ định cư.

Đoàn xe vận tải gànchục chiếc nối đuôi nhau, xe nào cũng chở đầy dân di cư, thực phẩm và các dụng cụ phá rừng làm rẫy. Khi ra khỏi thành phố, tôi không định hướng được họ sẽ đi về đâu. Tôi cũng không muốn hỏi,

tìm chỗ nằm dựa vào đồng hành lý, nhìn núi rừng chạy lùi đằng sau. Xe chạy suốt ngày đến gần tối, dừng lại giữa đường lộ, hai bên là rừng, phía trước phía sau cũng chỉ thấy rừng. Mọi người khuôn hành lý xuống xe, mệt mỏi đứng ngẩn ngơ giữa đường, sau đó theo người hướng dẫn lội bộ đến một khu nhà sàn của người Thượng, mở lương khô ra ăn và tối đó ngủ trong căn nhà dài của họ.

Sáng sau, trong làn sương lạnh của núi rừng, tôi thức giấc đã thấy mọi người tụ tập ở bên ngoài. Một số đàn ông nai nịt sẵn sàng và mang theo dao rừng. Tôi bước ra nhập vào với họ và theo chân một vị linh mục dẫn đầu. Đoàn người băng qua đường, dẫm trên cỏ ướt. Những người đi trước vung dao, phạt lồi làm quang đường để các người sau tiến lên. Băng một quãng rừng, cả đoàn dừng lại bên một dòng suối. Tôi còn nhớ rõ hình ảnh lúc đó. Mọi người đứng yên lặng, có một cái gì rưng rưng thật là thiêng liêng của giây phút khởi đầu. Vị linh mục tìm một tảng đá cao bước lên đứng trước mọi người. Bên dưới, nước suối chảy ào ào trắng xóa sau những tảng đá.

Họ bắt đầu đọc kinh. Kinh Kính Mừng và kinh Lạy Cha. Tôi cũng cùng đọc với họ. Lời kinh của chúng tôi âm vang trong khu rừng nguyên thủy còn đọng sương sớm. Hai bài kinh này tôi đã thuộc lòng trong những năm đầu tản cư 1946 chạy giặc Pháp ở các làng đạo vùng trung du. Lúc đó tôi học trường đạo ở nhà thờ, ngủ chung với đám trẻ trong nhà mà gia đình tôi đang tạm trú. Sáng nào cũng bị đánh thức dậy từ sáng sớm cùng các người lớn đọc kinh, giọng còn ngái ngủ. Tối đến, tôi cũng cùng họ đọc kinh trước khi đi ngủ. Thành thử dù không phải là con chiên, tôi đã thuộc nằm lòng hai bài kinh nói trên từ thuở ấu thời. Sau đó là bài giảng của vị linh mục mà tôi còn nhớ một đoạn: Ông Moses lúc đi lánh nạn đem theo đoàn giáo dân đã tìm đến một dòng suối trong một khu rừng để định cư. Những ngày qua chúng ta cũng đã đi lánh nạn vượt qua hàng ngàn cây số và hôm nay đến được nơi đây, trong khu rừng này, bên cạnh dòng suối như xưa Moses đã đến. Chúng ta sẽ đốn cây làm nhà, phá rừng phá rẫy để trồng trọt như người xưa. Đây là miền đất hứa của chúng ta và của các con cháu chúng ta sau này...

Tôi ở lại với họ ít ngày nữa, theo họ vào rừng phạt cỏ làm lối đi, đốn cây dựng những căn lều tạm cho tới khi gần ngày khai trường. Nhân có chuyến xe lên tiếp tế, tôi từ biệt họ trở lại Sài Gòn. Cậu bé tiền tôi ra tận xe. Khi xe chạy xa tôi vẫn thấy em đứng lặng nhìn theo cho đến khi xe lái quặt khuất vào một quãng đường rừng. Từ đó tôi không được tin của họ, tôi chỉ có thể đoán ra nơi họ định cư là trên quốc lộ đi Đà Lạt, chắc là vùng Blao. Tôi trở lại chỗ cầu thang lầu ba của nhà Hát Lớn, xung quanh đã vắng lặng, nhiều gia đình đã đi định cư ở các nơi khác. Tôi nằm một mình trên ghế bố chờ ngày nhập trường, băng khuông nhìn xuống đường. Vẫn mấy người thợ chụp hình photostop kiên nhẫn đứng đưa những tấm hình mời khách, vẫn người giữ xe lằng xằng chạy từ xe nọ tới xe kia, vẫn những khách ngoại quốc ra vào quán cà phê Givral góc phố... Nghĩ đến những ngày vừa qua, nghĩ đến những người mình đã chia sẻ một phần lịch sử với họ, tự nhiên thấy lòng buồn vô hạn, nghĩ rằng chắc mình sẽ không bao giờ còn có dịp được gặp lại họ nữa.

Chẳng bao lâu, nhà Hát Lớn đóng cửa không nhận người tị nạn nữa.

Nguyễn Công Khanh